TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2023
V/v tranh chấp: "*Ly hôn giữa ông T và bà L*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thụy Đang Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đen

2. Ông Phan Tấn Lạc

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Tưởng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Văn Lư - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2023/QĐXX-ST ngày 20 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: KV 13, phường Châu Văn Liêm,quận ÔMôn, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Trần Thị Thu L**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thới Bình B, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày: ông và bà Trần Thị Thu L do mai mối và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2002. Trong quá trình sống chung,

ông và bà L xảy ra mâu thuẫn do trong thời gian ông đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc thì ở nhà bà L có quan hệ với người đàn ông khác và hiện bỏ nhà đi chung sống với người đó. Nay thấy hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: giữa ông và bà L có 01 con chung là Phan Thanh N, sinh ngày 29/10/2001, nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Trần Thị Thu L vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên toà hôm nay: Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà L vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Thu L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Trần Thị Thu L.

[2] Về quan hệ hôn nhân của ông Phan Văn T và bà Trần Thị Thu L: Hai người sống chung từ năm 2000 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Về yêu cầu xin ly hôn của ông T với bà L thì nhận thấy: Theo lời khai của ông T có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thì trong thời gian sống chung, ông và bà L có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà L có quen người đàn ông khác bên ngoài, bà L bỏ nhà đi chung sống với người đàn ông đó, được thời gian bà L trở về nhà nhưng không lâu thì bà L lại tiếp tục bỏ nhà đi, bà L đi từ tháng 11 năm 2022 đến nay. Phía L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà với ông T. Xét thấy: trong thời gian sống chung, bà L và ông T có xảy ra mâu thuẫn và hiện tại cả hai không còn sống chung, không ai thể hiện ý chí hàn gắn hôn nhân của

mình. Ông T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bà L, không thể hiện ý chí mong muốn đoàn tụ với bà L; Phía bà L cũng không có ý kiến nào gửi đến Tòa án phản đối yêu cầu xin ly hôn của ông T. Từ đó cho thấy, giữa ông T và bà L có tồn tại mâu thuẫn, cuộc sống chung đã thực sự không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu của ông T được ly hôn với bà L là có căn cứ để xem xét, chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo ông T khai, thì ông và bà L có 01 con chung là Phan Thanh N, sinh ngày 29/10/2001, nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Phía bà L không có ý kiến nào về con chung.

Do con chung của ông T và bà L đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: đương sự yêu cầu để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Sau này có tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phan Văn T và bà Trần Thị Thu L.

2. Về nuôi con chung: con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: đương sự khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Phan Văn T phải nộp 300.000đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai số 0005005 ngày

22/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thụy Đang Phượng